

ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

○ TS. PHÙNG THỊ HẰNG*

1. Định hướng giá trị được hiểu như là sự lựa chọn của cá nhân hay nhóm xã hội về giá trị hay hệ thống giá trị nhất định nào đó. Định hướng giá trị trở thành cơ sở bên trong của hành vi, động cơ của hoạt động đồng thời quyết định lối sống của con người.

Học sinh trung học phổ thông (HS THPT) là lứa tuổi đang chuẩn bị bước vào cuộc sống tự lập. Một vấn đề quan trọng vừa có ý nghĩa xã hội, vừa có ý nghĩa cá nhân đối với các em, nhất là đối với HS cuối cấp là việc lựa chọn nghề nghiệp cho tương lai. Hiện nay, các ngành nghề trong xã hội rất phong phú và đa dạng, theo đó, xu hướng nghề nghiệp của con người nói chung, của HS THPT nói riêng cũng có sự thay đổi mạnh mẽ.

Thái Nguyên là một trong các tỉnh thuộc khu vực Đông Bắc của Tổ quốc. Đây là nơi cư trú của nhiều đồng bào các dân tộc thiểu số (DTTS) như: Tày, Nùng, Mông, Dao, Cao Lan, Sán Chỉ... Thực tế cho thấy, đối với HS THPT là người DTTS, sự lựa chọn nghề nghiệp của các em chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau như: nhận thức, phong tục tập quán, lối sống, điều kiện kinh tế - xã hội... Bởi thế, nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị nghề nghiệp (ĐHGTTN) và xu hướng chọn nghề của HS THPT là người DTTS có ý nghĩa thiết thực trong việc góp phần tạo cơ sở thực tiễn, giúp các nhà giáo dục lựa chọn các biện pháp tác động phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả của công tác hướng nghiệp cho HS THPT nói chung, HS THPT là người DTTS nói riêng trong nhà trường hiện nay.

2. Các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp quan sát, phương pháp đàm thoại, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi... đã được phối hợp sử dụng nhằm tìm hiểu ĐHGTTN (bao gồm các khía cạnh: dự định tương lai; những lí do, những căn cứ chọn nghề; ĐHGTTN và xu hướng chọn nghề) của 468 HS THPT là người DTTS ở tỉnh Thái Nguyên (gồm 3 trường: trường THPT

Bình Yên, trường THPT Định Hóa và trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc).

1) Dự định tương lai của HS THPT là người DTTS ở tỉnh Thái Nguyên (xem bảng 1)

Bảng 1

TT	Dự định	Trường THPT Bình Yên		Trường THPT Định Hóa		Trường PTVCVB		Chung	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Học tiếp trung cấp	7	4,4	6	3,9	5	3,2	18	3,8
2	Học cao đẳng, đại học	120	75,5	119	76,8	120	78,0	359	76,7
3	Học dự bị đại học	17	10,7	15	9,8	19	11,7	50	10,7
4	Về nhà lao động giúp gia đình	9	5,7	8	5,2	6	3,9	23	5,0
5	Lấy chồng, lấy vợ	1	0,6	0	0	1	0,6	2	0,4
6	Tìm việc làm	5	3,1	7	4,5	4	2,8	16	3,4
	Tổng	159	100	155	100	154	100	468	100

Bảng 1 cho thấy, đa số HS THPT là người DTTS có dự định học tiếp lên cao đẳng, đại học (chiếm tỉ lệ 76,7%); tiếp theo là số HS có dự định học dự bị đại học (10,7%); chỉ một số ít HS dự định học tiếp trung cấp chuyên nghiệp (3,8%). Số HS có xu hướng trở về làng bản lao động, tìm kiếm việc làm hoặc lấy chồng, lấy vợ cũng chiếm tỉ lệ nhỏ (8,8%).

2) Lí do chọn nghề của HS THPT là người DTTS ở tỉnh Thái Nguyên (xem bảng 2)

Bảng 2

TT	Lí do chọn nghề	Trường THPT Bình Yên		Trường THPT Định Hóa		Trường PTVCVB		Chung	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Phù hợp với hứng thú, sở thích	138	88,8	137	88,3	140	91	415	88,6
2	Phù hợp với năng lực	142	89,3	139	89,6	146	94,8	427	91
3	Là nghề xã hội đang cần	133	83,8	130	83,8	138	89,6	401	85,6
4	Không đòi hỏi quá cao về năng lực	110	69,1	105	67,7	102	66,2	317	67,7
5	Ra trường dễ xin việc	101	63,5	97	62,5	89	57,8	287	61,3
6	Có thu nhập cao	109	68,5	113	72,9	126	81,8	348	74,3
7	Có nhiều triển vọng	70	44	72	46,4	85	55,1	227	48,5
8	Trường học gần nhà	65	41	61	39,3	53	34,4	179	38,2
9	Lời khuyên của cha mẹ, thầy cô	88	55,3	86	55,4	83	53,9	257	54,9
10	Lời khuyên của bạn bè	65	40,8	60	38,7	52	33,7	177	37,8
11	Nghề đang phát triển mạnh	93	58,4	98	63,2	107	69,4	298	63,8
12	Chọn ngẫu nhiên	5	3,1	3	1,9	0	0	8	1,7

Rõ ràng là có nhiều yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến việc chọn nghề của HS. Cụ thể, căn cứ đầu tiên để các em chọn nghề là nghề đó phải «phù hợp với năng lực» (chiếm tỉ lệ 91%), tiếp đến, «phù hợp với hứng thú, sở thích» (88,6%),

* Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên

căn cứ thứ ba là «nghề xã hội đang cần» (85,6%). Tiếp theo là các yếu tố: «có thu nhập cao» (74,3%), «nghề đang phát triển mạnh» (63,6%), «ra trường dễ xin việc» (61,3%)... Như vậy, có thể thấy, khi chọn nghề, HS DTTS chủ yếu dựa vào sự phù hợp về năng lực, hứng thú, sở thích của bản thân đối với nghề, vị trí, tầm quan trọng và xu hướng phát triển của nghề trong xã hội. Ngoài ra, «lời khuyên của cha mẹ, thầy cô», «lời khuyên của bạn bè», «trường học gần nhà» được HS DTTS đề cập như những yếu tố khách quan và điều kiện thuận lợi trong quá trình lựa chọn nghề của các em. Phương thức lựa chọn nghề một cách ngẫu nhiên có rất ít HS lựa chọn. Nhìn chung, những căn cứ nêu trên của HS phù hợp với yêu cầu của công tác hướng nghiệp trong nhà trường.

3) ĐHGTTN của HS THPT là người DTTS ở tỉnh Thái Nguyên thể hiện ở sự lựa chọn của các em đối với những giá trị nghề nghiệp cụ thể (xem bảng 3).

Bảng 3

TT	Các giá trị	Trường THPT Bình Yên		Trường THPT Định Hóa		Trường THPTVCVB		Chung	
		X	TB	X	TB	X	TB	X	TB
1	Xã hội đánh giá cao	2,79	2,82	2,89	2,86	2			
2	Phát huy sở trường, năng lực của bản thân	2,86	2,88	2,92	2,88	1			
3	Mang lại sự thành công và cơ hội phát triển	2,75	2,78	2,79	2,77	5			
4	Có thu nhập cao	2,80	2,83	2,85	2,82	3			
5	Mới mẻ, hiện đại	2,29	2,31	2,35	2,31	10			
6	Mang lại hiểu biết mới cho bản thân	2,78	2,8	2,83	2,79	4			
7	Nhàn hạ	1,75	1,8	2,1	1,88	12			
8	Dễ tìm việc làm	2,89	2,88	2,71	2,89	6			
9	Được làm việc gần nhà	2,98	2,97	2,56	2,57	8			
10	Được làm việc ở thành phố	2,33	2,37	2,48	2,39	9			
11	Công việc chắc chắn, ổn định	2,87	2,89	2,7	2,88	7			
12	Năng động	2,24	2,25	2,33	2,27	11			
13	Phát huy truyền thống của gia đình	1,86	1,83	1,85	1,84	13			

Bảng 3 cho thấy, có 13 giá trị nghề nghiệp được HS DTTS đề cập. Tuy nhiên, mức độ lựa chọn đối với các giá trị khác nhau có sự khác nhau. Cụ thể, giá trị «phát huy sở trường, năng lực của bản thân» có mức điểm cao nhất: $\bar{x} = 2,88$ (xếp thứ bậc 1); tiếp theo là các giá trị: «xã hội đánh giá cao» với $\bar{x} = 2,86$ (xếp thứ bậc 2), «có thu nhập cao» với $\bar{x} = 2,82$ (xếp thứ bậc 3), «mang lại hiểu biết mới cho bản thân» với $\bar{x} = 2,79$ (xếp thứ bậc 4), «mang lại sự thành công và cơ hội phát triển» với $\bar{x} = 2,77$ (xếp thứ bậc 5). Ngoài những giá trị nghề nghiệp nêu trên, các giá trị: «dễ tìm việc làm», «công việc chắc chắn, ổn định», «được làm việc gần nhà» được các em lựa chọn với mức điểm khá cao trong ĐHGTTN của mình.

Nhìn chung, HS THPT không đánh giá cao các giá trị nghề nghiệp như: «năng động», «mới mẻ, hiện đại». Có thể giải thích điều này dựa vào đặc điểm tâm lý của HS DTTS. HS DTTS thường có tâm lý rụt rè, tự ti, ngại giao tiếp trong môi

trường xã hội rộng rãi, bởi thế các em tỏ ra dè dặt trước tình huống phải thử sức mình ở những lĩnh vực mới mẻ, đòi hỏi phải có sự năng động, linh hoạt, thích ứng nhanh. Một số giá trị khác như: «phát huy truyền thống gia đình», «nhàn hạ» ít được các em quan tâm. Điều này có liên quan đến điều kiện sống và hoạt động của HS DTTS. Nhìn chung, đa số HS DTTS đều là con em của các gia đình lao động. Với sự đa dạng hóa của các ngành, nghề trong xã hội, các em mong muốn được «bay nhảy», được thử sức mình trong các lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp.

4) Xu hướng chọn nghề của HS THPT là người DTTS ở tỉnh Thái Nguyên. Trên cơ sở lựa chọn các giá trị nghề nghiệp, xu hướng chọn nghề của HS DTTS được thể hiện như sau (xem bảng 4)

Bảng 4

TT	Lĩnh vực nghề	Nam		Nữ		Chung	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Nghề liên quan đến thiên nhiên	36	17,0	6	2,4	43	9,1
2	Nghề liên quan đến kĩ thuật	71	32,8	5	2,0	76	16,2
3	Nghề có đối tượng là con người	41	18,9	130	51,5	171	36,5
4	Nghề liên quan đến kĩ hiệu	15	6,9	57	22,6	72	15,4
5	Nghề liên quan đến nghệ thuật	1	0,4	25	10	26	5,5
6	Nghề liên quan đến công tác quản lí	7	3,0	20	8,0	27	5,8
7	Nghề liên quan đến công nghệ	45	21,0	9	3,5	54	11,5
Σn		216	100	252	100	468	100

Nhóm nghề được HS DTTS lựa chọn nhiều nhất là «nghề có đối tượng là con người» (36,5%), tiếp đến là «nghề liên quan đến kĩ thuật» (16,2%); các nhóm nghề như «nghề liên quan đến kĩ hiệu», «nghề liên quan đến nghệ thuật» cũng được các em lựa chọn. Các lĩnh vực «nghề liên quan đến thiên nhiên», «nghề liên quan đến nghệ thuật», «nghề liên quan đến công tác quản lí» ít được các em quan tâm.

Bảng 4 cũng cho thấy, có sự khác nhau trong xu hướng chọn nghề của HS nam và HS nữ. Nhóm nghề được HS nam lựa chọn nhiều nhất là nhóm nghề liên quan đến kĩ thuật (32,8%), tiếp theo là nhóm nghề liên quan đến công nghệ (21%). HS nữ lại có xu hướng chọn nhóm nghề có đối tượng là con người (22,6%). Có thể giải thích điều này dựa vào đặc điểm giới tính của HS. Những nghề nghiệp đòi hỏi sự khéo léo, mềm dẻo, tính kiên trì... thường thu hút được sự quan tâm của HS nữ, trong khi những nghề đòi hỏi tính chính xác, khoa học và sức khỏe lại có sức hấp dẫn nhiều hơn đối với HS nam.

3. ĐHGTTN của HS THPT là người DTTS diễn ra dưới ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan

(Xem tiếp trang 17)

bộ được ĐT tại HVKHQS, cũng là nơi quân nhân đem những kiến thức về KNGT được HT tại trường vận dụng vào thực tế. Huấn luyện, bồi dưỡng KNGT cho quân nhân tại đơn vị sẽ bổ sung và tiếp tục trang bị cho quân nhân những nội dung mà thực tế hoạt động đòi hỏi, đảm bảo cho quân nhân hoàn thành nhiệm vụ được giao. Việc phối hợp giữa HVKHQS với đơn vị hoạt động trong ĐT bồi dưỡng nâng cao KNGT sẽ góp phần củng cố kiến thức cho quân nhân và hoàn thiện nội dung, chương trình, quy trình ĐT KNGT tại HVKHQS. Mối quan hệ gắn kết giữa HVKHQS với đơn vị hoạt động trong việc nâng cao KNGT của quân nhân phải được xem là một mặt công tác. Do vậy, phải thường xuyên rút kinh nghiệm, để nâng cao chất lượng, hiệu quả giao tiếp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Các biện pháp nêu trên có mối quan hệ mật thiết chặt chẽ với nhau, nội dung biện pháp này là điều kiện, tiền đề của biện pháp kia. Do vậy, khi thực hiện các nội dung biện pháp

Định hướng giá trị nghề nghiệp...

(Tiếp theo trang 11)

và chủ quan. Những yếu tố này trở thành căn cứ để các em lựa chọn nghề nghiệp. Nhìn chung, những căn cứ chọn nghề của HS DTTS phù hợp với yêu cầu của công tác hướng nghiệp trong nhà trường.

Trong hệ thống giá trị nghề nghiệp được lựa chọn, HS DTTS chủ yếu hướng tới những giá trị có liên quan đến sự phù hợp về sở trường, năng lực của bản thân đối với nghề nghiệp, tính chất ổn định, cơ hội phát triển, những giá trị vật chất và tinh thần mà nghề mang lại. Một số giá trị liên quan đến tính mới mẻ, sự năng động và khả năng thích ứng nhanh của nghề ít được các em tiếp nhận.

Xu hướng chọn nghề của HS DTTS chịu ảnh hưởng của những đặc điểm giới tính, đồng thời biểu hiện khá tập trung. Nhìn chung, nhóm nghề có đối tượng là con người và nhóm nghề liên quan đến kỹ thuật thu hút được sự quan tâm của nhiều HS DTTS.

Nhà trường cần tăng cường tổ chức các hình thức hoạt động tập thể giúp HS DTTS tích cực hơn trong học tập, mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp. Tăng cường giáo dục giá trị, ĐHGTTN cho HS thông qua các hình thức hoạt động như ngoại

không được xem nhẹ hay tùy tiện cắt bỏ bất cứ biện pháp nào. □

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Anh - Nguyễn Thanh Bình - Vũ Kim Thanh. **Giáo trình tâm lý học giao tiếp**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2004.
2. Vũ Dũng. **Từ điển tâm lý học**. NXB Khoa học xã hội, H 2000.
3. Vũ Dũng. **Tâm lý học giao tiếp**. Trường Cao đẳng Lao động xã hội, H 2003.
4. Phạm Thị Tuyết. **Kỹ năng giao tiếp của cán bộ giao dịch ngân hàng** (Luận án tiến sĩ Tâm lý học). Viện Tâm lý học - Viện KHXH Việt Nam, 2010.
5. Tập thể tác giả. **Giao tiếp - sự mở đầu của những thành công**. NXB Văn hóa thông tin, H 2005.

SUMMARY

The article introduces several measures for teaching and learning communication skill at the Academy of Military Science: activation teaching, promotion of learners' activeness in learning communication skill, decrease of theory and increase of practice, usual organization of group discussion...

khóa, tham quan, du lịch, tư vấn nghề nghiệp... Thông qua những hình thức hoạt động này, HS sẽ được mở rộng tầm hiểu biết, có nhận thức đúng đắn và thái độ tích cực đối với các giá trị nghề nghiệp trong xã hội.

Sự kết hợp giữa các lực lượng: gia đình, nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức Đoàn Thanh niên, chính quyền địa phương... trong hoạt động giáo dục ĐHGTTN cho HS là rất cần thiết. □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc. **Tâm lý học nghiên cứu con người trong thời đổi mới**. NXB Giáo dục, H. 2006.
2. Lê Văn Hồng - Lê Ngọc Lan - Nguyễn Văn Thành. **Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm**. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2001.
3. Thái Duy Tuyên. **Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên trong điều kiện kinh tế thị trường**. NXB Hà Nội, 1993.

SUMMARY

Some aspects of occupational values orientation of minority upper secondary students in Thái Nguyên province: future intention, reasons occupational choices, occupational values orientation and trends in career choices. Besides that, this article deals with some elements that affect occupational values orientation; proposes some social and psychological measures in order to contribute to occupational values orientation education to minority students.